

Bản án số: 147/2025/HNGĐ-ST

Ngày 20 - 6 - 2025

“V/v: Ly hôn và nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Thoan và bà Nguyễn Thị Hòe

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Vĩnh Thành - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:**
Bà Lê Thị Phương Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa công khai xét xử vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 164/2024/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 215/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 198/2025/QĐST-HNGĐ ngày 10/6/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn V; sinh năm: 1993; Định danh cá nhân số: 044093002396; Số hộ chiếu số E00841389 do Cục Q cấp ngày 12/9/2023; nơi ĐKKHKT và chỗ ở trước khi xuất cảnh: Tổ dân phố H, thị trấn P, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Hiện cư trú: 2484 Gárdony, Üdülők Ú, H. Có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Minh T; sinh năm: 1993; Định danh cá nhân số: 044193011340; nơi ĐKKHKT và chỗ ở trước khi xuất cảnh: Tổ dân phố H, thị trấn P, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Hiện cư trú tại: B T, Kisoroszi Ú, Hungary. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị T1, sinh năm 1974; địa chỉ: TDP X, thị trấn P, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Là mẹ đẻ của bị đơn chị Nguyễn Thị Minh T. Xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn đề ngày 29/7/2024 và bản tự khai có công chứng của Đ1 tại Hungary, anh Nguyễn Văn V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn V và chị Nguyễn Thị Minh T có quá trình tìm hiểu và cả hai cùng thống nhất đi đến kết hôn trên cơ sở tự nguyện,

vào ngày 09/09/2019 đã đăng ký kết hôn tại UBND xã S (nay là thị trấn P), huyện B, tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian. Tuy nhiên, từ năm 2022 hai vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, vợ chồng thiếu tin tưởng lẫn nhau và không cảm thông chia sẻ nên thường xảy ra cãi vã, bất hòa. Tình trạng này tiếp diễn thường xuyên, kéo dài nên không còn khả năng khắc phục. Đến năm 2024 anh V và chị T quyết định đi sang nước ngoài làm ăn nhưng không chung sống với nhau. Nay anh V thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, anh V làm đơn này kính mong Tòa án xem xét, giải quyết cho anh V được ly hôn với chị Nguyễn Thị Minh T.

Về con chung: Vợ chồng anh V và chị T có hai con chung là cháu Nguyễn Hải Đ; sinh năm 2021 và cháu Nguyễn Ánh D; sinh năm 2019. Nguyễn vọng sau khi ly hôn anh V sẽ giao 2 cháu Đ và D cho chị Nguyễn Thị Minh T chăm sóc, nuôi dưỡng. Hàng tháng anh V sẽ cấp dưỡng tiền nuôi con là 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn chị Nguyễn Thị Minh T: Sau khi thụ lý vụ án, Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình đề nghị Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Q cung cấp thông tin xuất nhập cảnh của chị Nguyễn Thị Minh T. Tại Công văn số 2990/CV-QLXNC ngày 29/10/2024 của Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Q cung cấp thông tin chị Nguyễn Thị Minh T, sinh ngày 15/9/1993 đã xuất nhập cảnh ngày 23/5/2024 qua Sân bay Quốc tế Nội Bài hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Theo anh V và bà Lê Thị T1 (mẹ đẻ của chị T) cung cấp hiện chị T có địa chỉ cư trú tại: B T, Kisoroszi Ú, Hungary.

Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã có văn bản gửi đến Đ1 tại Hungary đề tiến hành các phương thức tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng đối với bị đơn chị Nguyễn Thị Minh T, và Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình nhận được Công điện của Đ1 tại Hungary thông báo về việc đã gửi thông báo cho chị Nguyễn Thị Minh T theo địa chỉ B T, Kisoroszi Ú, Hungary.

Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình thông báo qua kênh phát thanh dành cho người nước ngoài của Đ2 (VOV5) thông báo cho chị T 03 lần trong vòng 03 ngày liên tiếp về các nội dung liên quan đến việc anh Nguyễn Văn V xin ly hôn chị Nguyễn Thị Minh T và đồng thời thực hiện việc tổng đạt văn bản tố tụng cho bà T1 (mẹ đẻ chị T) và niêm yết công khai các văn bản tố tụng của Toà án tại nơi ở, địa phương nơi cư trú của chị T theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Thị Minh T có gửi về Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình Bản tự khai, Đơn đề nghị giải quyết vắng mặt qua đường bưu chính từ Hungary với nội dung: Chị T và anh V đăng ký kết hôn tự nguyện vào ngày 09/9/2019 tại UBND xã S, huyện B. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thiếu tin tưởng nhau. Đến năm 2024 chị T đi nước ngoài làm ăn, nay chị T cũng xác định vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh V được ly hôn; Vợ chồng có hai đứa con chung là Nguyễn Hải Đ, sinh năm 2021 và Nguyễn Ánh D, sinh năm 2019, sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cả hai đứa

và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vào các ngày 25/10/2024 và ngày 31/3/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã có buổi làm việc với thân nhân của bị đơn Nguyễn Thị Minh T là bà Lê Thị T1 (mẹ đẻ chị T). Bà T1 trình bày với các nội dung liên quan đến việc anh V xin ly hôn chị T, cụ thể như sau: Chị Nguyễn Thị Minh T là con gái của bà, chị T có cung cấp địa chỉ cho bà đúng như trong đơn khởi kiện mà anh Nguyễn Văn V đã gửi về cho Tòa án, cụ thể: 2022 Tahitótfalu, Kisoroszi Ú, Hungary. Trong quá trình làm việc tại Hungary chị T vẫn thường xuyên gọi điện thoại về hỏi thăm sức khỏe bà và các cháu. Gia đình bà cũng đã thông báo cho chị T biết việc gia đình đã nhận được thông báo thụ lý của Tòa án và cũng đã đọc và chụp ảnh gửi nội dung của Thông báo thụ lý cho chị T biết.

Về tình cảm: Việt và T kết hôn vào ngày 09/09/2019 tại UBND xã S, huyện B, tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn V và T về sống chung với gia đình chồng tại TDP H, thị trấn P, huyện B, tỉnh Quảng Bình; Về con chung: V và T có hai con chung là cháu Nguyễn Hải Đ; sinh năm 2021 và cháu Nguyễn Ánh D; sinh năm 2019. Hiện các cháu đang ở cùng gia đình bà, bà mong muốn sau khi anh V và chị T ly hôn bà vẫn tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng các cháu cho đến khi chị T về Việt Nam; Về tài sản: Bà có hỏi nhưng V và T nói không có tài sản hay nợ nần gì chung.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn V, xử cho anh Nguyễn Văn V được ly hôn chị Nguyễn Thị Minh T; Về con chung: Chấp nhận nguyện vọng của anh Nguyễn Văn V, giao cháu Nguyễn Ánh D, sinh năm 2019 và cháu Nguyễn Hải Đ, sinh năm 2021 cho chị Nguyễn Thị Minh T chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời trước mắt giao cháu Đ và cháu D cho bà T1 chăm sóc nuôi dưỡng. Anh V tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con với số tiền mỗi tháng là 2.000.000 đồng nên cần chấp nhận; Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét; Đương sự chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án; lời trình bày của đương sự đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tại Công văn số 2990/CV-QLXNC ngày 29/10/2024 của Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Q cung cấp thông tin chị Nguyễn Thị Minh T, sinh ngày 15/9/1993 đã xuất nhập cảnh ngày 23/5/2024 qua Sân bay Quốc tế Nội Bài hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Đây là vụ án ly hôn có đương sự đang ở nước ngoài nên Tòa án nhân dân tỉnh Quảng

Bình thụ lý là đúng về thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã tiến hành các phương thức tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án cho đương sự ở nước ngoài theo quy định tại khoản 1 Điều 474 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng không có kết quả nên đã thông báo cho chị Nguyễn Thị Minh T trên kênh phát thanh của Ban Đối ngoại - Đ2 (VOV5), kênh phát thanh dành cho người Việt Nam ở nước ngoài; thực hiện việc niêm yết văn bản tố tụng của Tòa án tại địa phương nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chị T và giao các văn bản tố tụng của Tòa án cho người thân (mẹ đẻ) của chị T để thông báo cho chị T biết nội dung liên quan đến việc anh V xin ly hôn chị T theo đúng quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Văn V có đơn xin xét xử vắng mặt có công chứng của Đ1 tại Hungary; Đối với chị Nguyễn Thị Minh T có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bà T1 đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227; Điều 228; khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Xét anh Nguyễn Văn V và chị Nguyễn Thị Minh T xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã S (nay là thị trấn P), huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình vào ngày 09/09/2019 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa hai bên sống hạnh phúc được một thời gian, năm 2022 hai vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, vợ chồng thiếu tin tưởng lẫn nhau và không cảm thông chia sẻ nên thường xảy ra cãi vã, bất hòa. Tình trạng này tiếp diễn thường xuyên, kéo dài nên không còn khả năng khắc phục. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh V và chị T thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của anh V xử cho anh V được ly hôn chị Nguyễn Thị Minh T là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Anh Nguyễn Văn V và chị Nguyễn Thị Minh T có 02 con chung, cháu Nguyễn Ánh D, sinh ngày 30/9/2019 và cháu Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 05/11/2021. Hiện cháu Đ và cháu D đang sống cùng bà ngoại (bà Lê Thị T1 mẹ đẻ chị T). Nguyên vọng sau khi ly hôn anh V đồng ý giao cháu Đ và cháu D cho chị T chăm sóc nuôi dưỡng và anh V sẽ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng.

Xét nguyện vọng của anh V, chị T và ý kiến của bà Lê Thị T1 (mẹ đẻ chị T), các cháu Nguyễn Ánh D, sinh năm 2019 và cháu Nguyễn Hải Đ, sinh năm 2021 hiện đang sống ổn định với bà Lê Thị T1, chị T có nguyện vọng xin được nuôi hai đứa con. Hội đồng xét xử cần chấp nhận nguyện vọng của anh V để giao

hai con chung cho chị Nguyễn Thị Minh T chăm sóc nuôi dưỡng. Do chị T đang cư trú ở nước ngoài nên tạm giao cho bà Lê Thị T1 chăm sóc nuôi dưỡng cháu Đ và cháu D cho đến khi chị T về Việt Nam.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị T không yêu cầu; anh V tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy, mặc dù chị T không yêu cầu nhưng để đảm bảo quyền lợi của các con, cần chấp nhận sự tự nguyện của anh V cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng (mỗi đứa 1.000.000 đồng/tháng), thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 06/2025 cho đến khi cháu D và cháu Đ trưởng thành 18 tuổi.

[2.3]. Về quan hệ tài sản chung: Không xem xét.

[2.4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

[2.5]. Về lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài và đăng Đ2, anh V phải chịu theo quy định với số tiền 2.418.350 đồng (anh V đã nộp đủ số tiền 2.418.350 đồng tại Tòa án).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 277, Điều 228, Điều 147, Điều 153, Điều 464, Điều 469, Điều 474, khoản 5 Điều 477, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn V được ly hôn chị Nguyễn Thị Minh T.

2. Về quan hệ con chung: Giao cháu Nguyễn Ánh D, sinh ngày 30/9/2019 và cháu Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 05/11/2021 cho chị Nguyễn Thị Minh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Hiện tại chị Nguyễn Thị Minh T đang cư trú ở nước ngoài nên tạm giao cháu D và cháu Đ cho bà Lê Thị T1 (mẹ đẻ của chị T) chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị T về Việt Nam, bà T có trách nhiệm giao hai cháu lại cho chị T.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Văn V phải có trách nhiệm cấp dưỡng cho con mỗi tháng 2.000.000 đồng (mỗi đứa 1.000.000 đồng/tháng), thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 06/2025 cho đến khi cháu D và cháu Đ trưởng thành 18 tuổi.

Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền thăm nom và chăm sóc con chung. Trong trường hợp vì quyền lợi chính đáng của con chưa thành niên, các bên đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí và lệ phí ủy thác tư pháp: Anh Nguyễn Văn V phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà anh V đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai số 0005066 ngày 04/10/2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình, anh Nguyễn Văn V còn phải nộp tiếp 300.000 đồng

Anh Nguyễn Văn V phải chịu 2.418.350 đồng lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài và đăng VOV5 Đ2 (anh Nguyễn Văn V đã nộp đủ tại Tòa án).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án sơ thẩm xét xử công khai, anh Nguyễn Văn V có quyền có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án; chị Nguyễn Thị Minh T có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh QB;
- Cục THADS tỉnh QB;
- UBND thị trấn Phong Nha;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn, Lưu DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

đã ký

Nguyễn Thái Sơn